

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2026/DS-ST
Ngày: 02/4/2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Phượng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Thanh Phương**

Bà **Lê Thị Hồng Thảo**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thảo Duy** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 340/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã N, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Vào tháng 01/2020 bà Nguyễn Thị B có cho ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H vay số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) cụ thể vào ngày 03/01/2020 (nhằm ngày 09/12^{al}/2029) ông T và bà H vay 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), ngày 25/01/2020 (nhằm ngày 01/01^{al}/2020) ông T và bà H vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Sau đó đến thời hạn trả tiền ông T và bà H đã trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) còn lại 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) ông T và bà H không trả mặc dù đã nhiều lần bà B yêu cầu trả tiền. Do đó bà B nộp đơn yêu cầu ông T và bà H trả

số tiền vốn vay là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) và tạm tính số tiền nợ lãi từ ngày 25/7/2020 đến ngày 25/11/2025 là 47.988.000đ (Bốn mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn đồng). Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông T và bà H có trả cho bà B số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nên nay bà B chỉ yêu cầu trả số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và không yêu cầu trả lãi, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến bằng văn bản về việc bà Nguyễn Thị B khởi kiện ông, bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị B yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H trả tiền vay, nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, còn nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bà B và ông T, bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị B xác định vào tháng 01/2020, bà có cho ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H vay 02 lần tổng số tiền 140.000.000 đồng, cụ thể vào ngày 03/01/2020 vay 120.000.000 đồng và ngày 25/01/2020 vay tiếp 20.000.000 đồng. Sau khi vay, ông T và bà H đã trả cho bà được 50.000.000 đồng và trong thời gian khởi kiện ông T, bà H tiếp tục trả thêm số tiền 50.000.000 đồng, do đó bà chỉ yêu cầu ông T và bà H trả lại cho bà số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng. Xét thấy, tại đơn khởi kiện bà B yêu cầu ông T và bà H phải trả số tiền là 137.988.000 đồng (trong đó nợ gốc là 90.000.000đ và lãi là 47.988.000 đồng). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và tự nguyện từ bỏ yêu cầu trả khoản lãi, yêu cầu này của bà B là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu còn lại của nguyên đơn, yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ trả lại số tiền 40.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng theo Giấy thỏa thuận cho mượn tiền ngày 09/12/2019 có nội dung ông T, bà H (bên mượn tiền) có mượn của bà Nguyễn Thị B (bên cho mượn tiền) số tiền 120.000.000 đồng, đến ngày 01/01 lấy thêm 20.000.000 đồng,

các bên thỏa thuận thời hạn mượn tiền là 6 tháng. Trong quá trình giải quyết, bà B xác định đến thời điểm hiện tại, ông T và bà H chỉ còn nợ bà số tiền 40.000.000 đồng nên bà yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với ông T và bà H, mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tổng đạt hợp lệ để triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng các bị đơn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị B được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466, 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B1 số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị B, yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H trả số tiền 97.988.000đ (Chín mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi tám nghìn đồng).

2. Án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H phải chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV4 - ĐT;
- PTHADS KV4 - ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Phượng